

# THẢO LUẬN

NHTW và Điều hành chính sách tiền tệ  
của các NHTW trên thế giới và NHNN  
Việt Nam

Ch đ :  
Ch đ :

Các công cụ của chính sách tiền tệ  
ở Việt Nam &  
thực trạng và giải pháp hoàn thiện  
Nhóm thực hiện: nhóm 6

- I. Tổng quát về NHTW
- II. Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường
- III. Thực trạng việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ ở Việt Nam hiện nay
- IV. Định hướng và giải pháp định hướng và giải pháp hoàn thiện các công cụ chính sách tiền tệ ở Việt Nam

## II. Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường

1. Khái niệm, phân loại, vị trí của chính sách tiền tệ
2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ
3. Các công cụ của chính sách tiền tệ

# 1. Khái niệm, phân loại, vị trí của chính sách tiền tệ

## 1.1: Khái niệm, phân loại

Chính sách tiền tệ là hệ thống các quan điểm, chủ trương và biện pháp của nhà nước nhằm tác động và điều chỉnh tiền tệ-tín dụng, ngân hàng và ngoại hối, tạo ra sự ổn định của lưu thông tiền tệ để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Bao gồm hai loại:

Chính sách mở rộng tiền tệ: làm cho lượng tiền trong nền kinh tế tăng. Áp dụng cho nền kinh tế suy thoái, thất nghiệp gia tăng

Chính sách thắt chặt tiền tệ: làm giảm lượng tiền trong lưu thông nhằm chống lạm phát.

## 1.2.Vị trí:

Trong hệ thống các công cụ chính sách vĩ mô thì chính sách tiền tệ là một trong những chính sách quan trọng nhất vì nó tác động trực tiếp vào lĩnh vực lưu thông tiền tệ. Song nó cũng có quan hệ chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác như chính sách tài khoá, chính sách thu nhập, chính sách kinh tế đối ngoại.

Đối với Ngân hàng trung ương, việc hoạch định và thực thi chính sách chính sách tiền tệ là hoạt động cơ bản nhất, mọi hoạt động của nó đều nhằm làm cho chính sách tiền tệ quốc gia được thực hiện có hiệu quả hơn.



## 2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ

### 2.1 Ổn định giá trị đồng tiền:

NHTW thông qua CSTT có thể tác động đến sự tăng hay giảm giá trị đồng tiền của nước mình. Giá trị đồng tiền ổn định được xem xét trên 2 mặt: Sức mua đối nội của đồng tiền (chỉ số giá cả hàng hoá và dịch vụ trong nước) và sức mua đối ngoại (tỷ giá của đồng tiền nước mình so với ngoại tệ). Tuy vậy, CSTT hướng tới ổn định giá trị đồng tiền không có nghĩa là tỷ lệ lạm phát  $= 0$  vì như vậy nền kinh tế không thể phát triển được, để có một tỷ lệ lạm phát giảm phải chấp nhận một tỷ lệ thất nghiệp tăng lên.

## 2.2. Tăng công ăn việc làm

CSTT mở rộng hay thu hẹp có ảnh hưởng trực tiếp tới việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, quy mô sản xuất kinh doanh và từ đó ảnh hưởng tới tỷ lệ thất nghiệp của nền kinh tế. Để có một tỷ lệ thất nghiệp giảm thì phải chấp nhận một tỷ lệ lạm phát tăng lên.



## 2.3. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế luôn là mục tiêu của mọi chính phủ trong việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô của mình, để giữ cho nhịp độ tăng trưởng đó ổn định, đặc biệt việc ổn định giá trị đồng bản tệ là rất quan trọng, nó thể hiện lòng tin của dân chúng đối với Chính phủ. Mục tiêu này chỉ đạt được khi kết quả hai mục tiêu trên đạt được một cách hài hoà.

Mối quan hệ giữa các mục tiêu: Có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau, không tách rời.

Nhưng xem xét trong thời gian ngắn hạn thì các mục tiêu này có thể mâu thuẫn với nhau thậm chí triệt tiêu lẫn nhau. Vậy để đạt được các mục tiêu trên một cách hài hoà thì NHTW trong khi thực hiện CSTT cần phải có sự phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

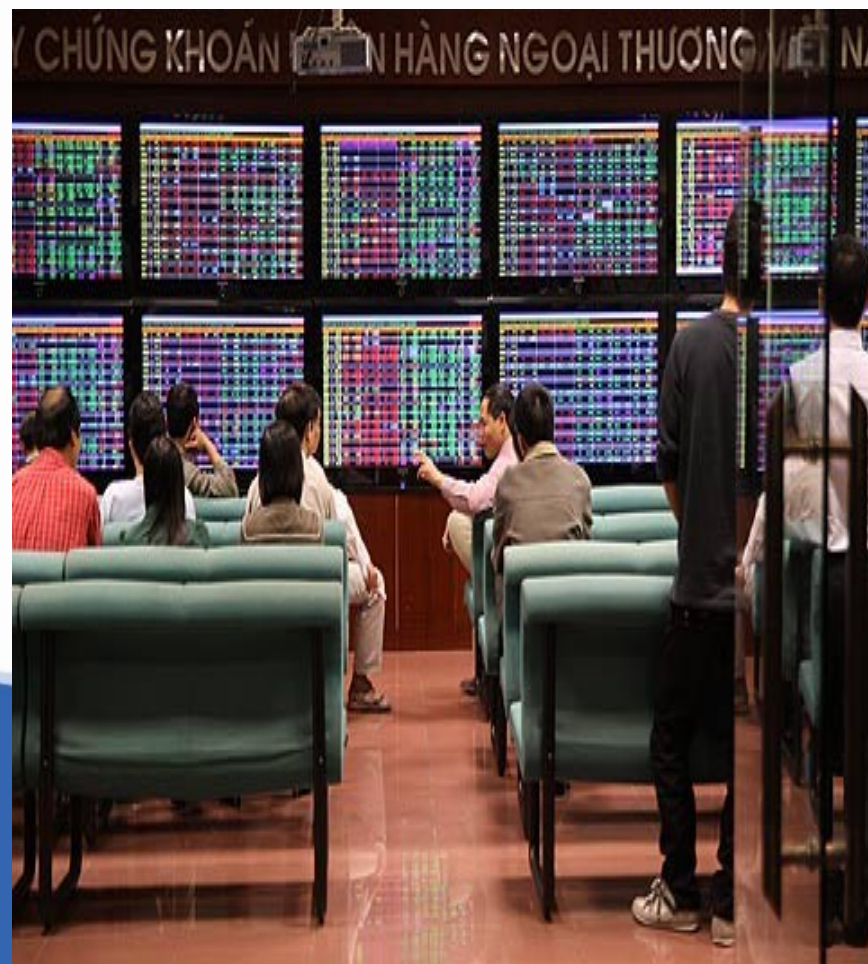


# 3. Các công cụ của chính sách tiền tệ

## 3.1. Nghiệp vụ của thị trường mở:

### *Khái niệm:*

Là những hoạt động mua bán chứng khoán do NHTW thực hiện trên thị trường mở nhằm tác động tới cơ sở tiền tệ qua đó điều tiết lượng tiền cung ứng.



## *Cơ chế tác động:*

Khi NHTW mua (bán) chứng khoán thì sẽ làm cho cơ số tiền tệ tăng lên (giảm đi) dẫn đến mức cung tiền tăng lên (giảm đi).

Nếu thị trường mở chỉ gồm NHTW và các NHTM thì hoạt động này sẽ làm thay đổi lượng tiền dự trữ của các NHTM (R), nếu bao gồm cả công chúng thì nó sẽ làm thay đổi ngay lượng tiền mặt trong lưu thông (C)

## Đặc điểm:

Do vận dụng tính linh hoạt của thị trường nên đây được coi là một công cụ rất năng động, hiệu quả, chính xác của CSTT vì khối lượng chứng khoán mua( bán ) tỷ lệ với qui mô lượng tiền cung ứng cần điều chỉnh, ít tổn kém về chi phí , dễ đảo ngược tình thế, nó còn phụ thuộc vào các chủ thể khác tham gia trên thị trường và mặt khác để công cụ này hiệu quả thì cần phải có sự phát triển đồng bộ của thị trường tiền tệ ,thị trường vốn.



## 3.2 Dự trữ bắt buộc:

### *Khái niệm :*

Số tiền dự trữ bắt buộc là số tiền mà các NH phải giữ lại, do NHTW qui định, gửi tại NHTW, không hưởng lãi, không được dùng để đầu tư, cho vay và thông thường được tính theo một tỷ lệ nhất định trên tổng số tiền gửi của khách hàng để đảm bảo khả năng thanh toán, sự ổn định của hệ thống ngân hàng



## Cơ chế tác động:

Việc thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc ảnh hưởng trực tiếp đến số nhân tiền tệ ( $m=1+s/s+ER+RR$ ) trong cơ chế tạo tiền của các NHTM.

Mặt khác khi tăng (giảm) tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì khả năng cho vay của các NHTM giảm (tăng), làm cho lãi suất cho vay tăng (giảm), từ đó làm cho lượng cung ứng tiền giảm (tăng).

## Đặc điểm

Đây là công cụ mang nặng tính quản lý Nhà nước nên giúp NHTW chủ động trong việc điều chỉnh lượng tiền cung ứng và tác động của nó cũng rất mạnh (chỉ cần thay đổi một lượng nhỏ tỷ lệ dự trữ bắt buộc là ảnh hưởng tới một lượng rất lớn mức cung tiền). Song tính linh hoạt của nó không cao vì việc tổ chức thực hiện nó rất chậm, phức tạp, tốn kém và nó có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động kinh doanh của các NHTM.

Ngày 25/11/2009, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành các Quyết định điều chỉnh mức lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu và tỷ giá. Ngay sau khi các Quyết định này được ban hành, để triển khai thực hiện đạt kết quả tốt, Thống đốc NHNN đã chủ trì cuộc họp với các NHTM nhà nước, NHTM cổ phần Ngoại thương, Công thương và Hiệp hội Ngân hàng.

## 3.3 Chính sách tái chiết khấu

### *Khái niệm :*

Đây là hoạt động mà NHTW thực hiện cho vay ngắn hạn đối với các NHTM thông qua nghiệp vụ tái chiết khấu bằng việc điều chỉnh lãi suất tái chiết khấu (đối với thương phiếu) và hạn mức cho vay tái chiết khấu (cửa sổ chiết khấu)

## Cơ chế tác động:

Khi NHTW tăng (giảm) lãi suất tái chiết khấu sẽ hạn chế (khuyến khích) việc các NHTM vay tiền tại NHTW làm cho khả năng cho vay của các NHTM giảm (tăng) từ đó làm cho mức cung tiền trong nền kinh tế giảm (tăng). Mặt khác khi NHTW muốn hạn chế NHTM vay chiết khấu của mình thì thực hiện việc khép cửa sổ chiết khấu lại.

Ngoài ra, ở các nước có thị trường chưa phát triển (thương phiếu chưa phổ biến để có thể làm công cụ tái chiết khấu) thì NHTW còn thực hiện nghiệp vụ này thông qua việc cho vay tái cấp vốn ngắn hạn đối với các NHTM.

## Đặc điểm

Chính sách tái chiết khấu giúp NHTW thực hiện vai trò là người cho vay cuối cùng đối với các NHTM khi các NHTM gặp khó khăn trong thanh toán, và có thể kiểm soát được hoạt động tín dụng của các NHTM đồng thời có thể tác động tới việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư đối với nền kinh tế thông qua việc ưu đãi tín dụng vào các lĩnh vực cụ thể. Tuy vậy, hiệu quả của công cụ này còn phụ thuộc vào hoạt động cho vay của các NHTM, mặt khác mức lãi suất tái chiết khấu có thể làm méo mó, sai lệch thông tin về cung cầu vốn trên thị trường.



## 3.4. Quản lý hạn mức tín dụng của các NHTM

### *Khái niệm :*

Là việc NHTW quy định tổng mức dư nợ của các NHTM không được vượt quá một lượng nào đó trong một thời gian nhất định (một năm) để thực hiện vai trò kiểm soát mức cung tiền của mình. Việc định ra hạn mức tín dụng cho toàn nền kinh tế dựa trên cơ sở là các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô (tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tiêu thụ...) sau đó NHTW sẽ phân bổ cho các NHTM và NHTM không thể cho vay vượt quá hạn mức do NHTW quy định

## Cơ chế tác động:

Đây là một công cụ điều chỉnh một cách trực tiếp đối với lượng tiền cung ứng, việc quy định pháp lý khối lượng hạn mức tín dụng cho nền kinh tế có quan hệ thuận chiều với qui mô



## Đặc điểm:

Giúp NHTW điều chỉnh, kiểm soát được lượng tiền cung ứng khi các công cụ gián tiếp kém hiệu quả, đặc biệt tác dụng nhất thời của nó rất cao trong những giai đoạn phát triển quá nóng, tỷ lệ lạm phát quá cao của nền kinh tế. Song nhược điểm của nó rất lớn: triệt tiêu động lực cạnh tranh giữa các NHTM, làm giảm hiệu quả phân bổ vốn trong nền kinh tế, dễ phát sinh nhiều hình thức tín dụng ngoài sự kiểm soát của NHTW và nó sẽ trở nên quá kìm hãm khi nhu cầu tín dụng cho việc phát triển kinh tế tăng lên.

## 3.5 Quản lý lãi suất của các NHTM:

### *Khái niệm:*

NHTW đưa ra một khung lãi suất hay ấn định một trần lãi suất cho vay để hướng các NHTM điều chỉnh lãi suất theo giới hạn đó, từ đó ảnh hưởng tới qui mô tín dụng của nền kinh tế và NHTW có thể đạt được quản lý mức cung tiền của mình.

### *Cơ chế tác động:*

Việc điều chỉnh lãi suất theo xu hướng tăng hay giảm sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới qui mô huy động và cho vay của các NHTM làm cho lượng tiền cung ứng thay đổi theo.

## Đặc điểm:

Giúp cho NHTW thực hiện quản lý lượng tiền cung ứng theo mục tiêu của từng thời kỳ, điều này phù hợp với các quốc gia khi chưa có điều kiện để phát huy tác dụng của các công cụ gián tiếp. Song, nó dễ làm mất đi tính khách quan của lãi suất trong nền kinh tế vì thực chất lãi suất là “giá cả” của vốn do vậy nó phải được hình thành từ chính quan hệ cung cầu về vốn trong nền kinh tế. Mặt khác việc thay đổi quy định điều chỉnh lãi suất dễ làm cho các NHTM bị động, tổn kém trong hoạt động kinh doanh của mình.

### **III. Thực trạng việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ ở Việt Nam hiện nay.**

- 1. Sự đổi mới trong việc thực hiện chính sách tiền tệ.**
- 2. Việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ những năm qua.**
- 3. Đánh giá quá trình thực hiện các công cụ của chính sách tiền tệ những năm qua.**



## XUẢ

**Cuối 1/1876:** Thành lập NH Đông Dương  
Đóng vai trò là NH phát hành

**Đại Hội Đảng II:** Thành lập Ngân hàng  
Quốc gia Việt Nam 06/05/1951

**21/1/1960:** Đổi tên thành  
Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam

**7/1976:** NH Quốc Gia miền Nam hợp nhất  
vào NHNN Việt Nam

**NHNN  
VIỆT NAM**

**Trụ sở tại  
Thủ đô  
Hà Nội**

1997

4 NH QD

51 NH CP

23 CN NH NN



37 NHTM CP

6 NH LD

31 CN NH NN

46 VP đại diện các NH NN

# 1. Sự đổi mới trong việc thực hiện chính sách tiền tệ.

Việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ: Được sử dụng một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện Việt Nam ở các thời điểm cụ thể chứ không đông cứng, đóng băng như thời kì bao cấp (lãi suất cố định nhiều năm...)

Cơ chế điều hành: Năm 1988, Hệ thống NH đã được phân thành 2 cấp NHNN và các NHTM, trong đó NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ- tín dụng- ngân hàng; trực thuộc chính phủ. Thống đốc NHNN có quyền chủ động hơn và chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

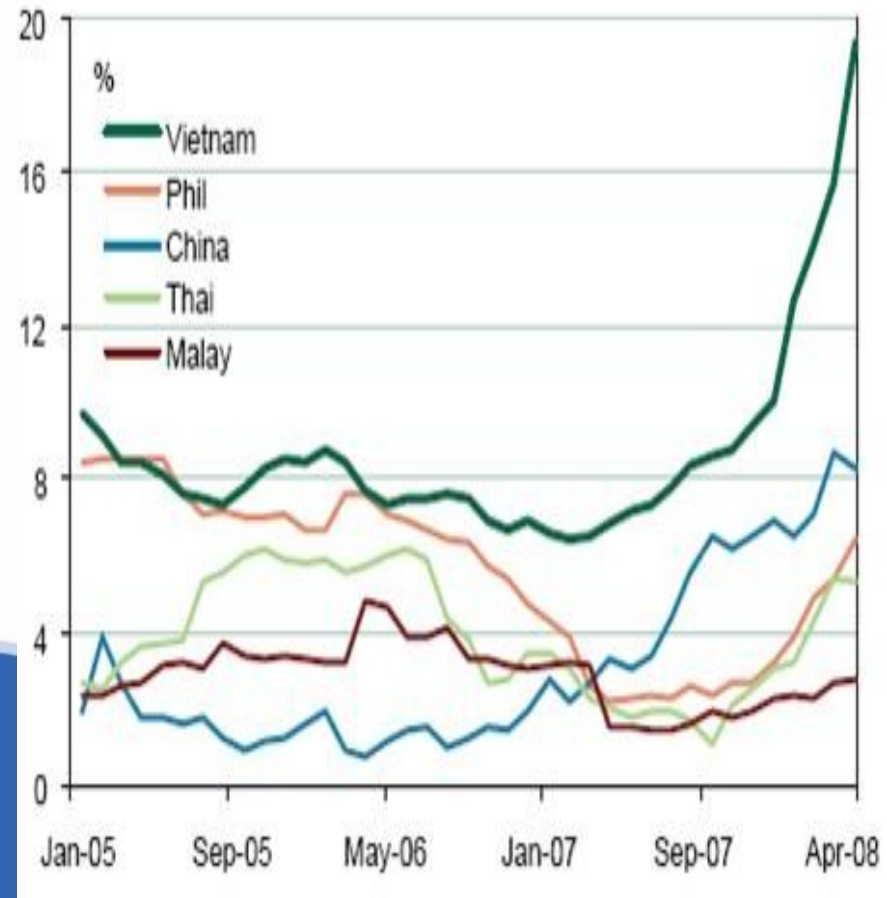
## 2. Việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ những năm qua.

### 2.1 Công cụ lãi suất:

Ở Việt Nam, lãi suất được sử dụng như công cụ chính của chính sách tiền tệ.

VD: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tăng cao năm 2008, đầu năm CPI tháng 4 lên đến 21,42% .

24/3/2009 Việt Nam công bố tỷ lệ lạm phát quý I/2009 đạt gần 14,5% so với



Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, chủ động ngăn ngừa suy giảm kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, bền vững; thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã dùng đến công cụ lãi suất, công bố một loạt điều chỉnh về chính sách tiền tệ.

Trong ngày 25/11/2009 trong bối cảnh tỷ giá hối đoái, thanh khoản của hệ thống ngân hàng với cân đối tăng trưởng huy động vào và cho vay ra có nhiều diễn biến phức tạp.

Tỷ giá tự do đã lên đến gần 20.000 VND/USD trong khi nhu cầu về ngoại tệ cho nhập khẩu vào cuối năm vẫn gia tăng. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam vào cuối tháng 6/2009 công bố ở mức 17,3 tỷ USD giảm khoảng 3,3 tỷ USD so với 1 năm trước đó.

Lãi suất huy động tiết kiệm của một số ngân hàng thương mại cổ phần đã tăng gần chạm trần và lãi suất liên ngân hàng biến động từ 12-16%/năm trong vài ngày qua trong bối cảnh nhu cầu về vốn khả dụng của các ngân hàng thương mại sẽ còn tiếp tục tăng cao trong thời gian tới, tăng lãi suất cơ bản thêm 1%, từ 7% lên 8% áp dụng từ 1/12/2009



## 2.2 Công cụ hạn mức tín dụng:

Đây là công cụ được coi là cần thiết ở Việt Nam trong những năm đầu của thời kì đổi mới hiệu quả của nó đã thể hiện rõ rệt trong việc chống lạm phát.

Những năm 1990-1991 do lạm phát còn ở tỉ lệ cao (67,6% tháng). Để khống chế lạm phát, NHNN chủ trương thi hành CSTT “thắt chặt” ngay từ đầu năm để giảm bớt lượng tiền cung ứng.

Ở thời kỳ đầu, công cụ hạn mức TD chỉ áp dụng cho 4 NHTMQD( NH Ngoại thương, NH Công thương, NH Nông nghiệp, NH đầu tư phát triển) nhưng sau vài năm đổi mới, do quy mô mở rộng tín dụng của các NHTM quá nhanh, số lượng các NHTM ngày càng nhiều nên NHNN quyết định áp dụng hạn mức tín dụng cho hầu hết các NHTM.

Tuy nhiên, từ năm 1998 đến nay, công cụ hạn mức tín dụng đã mất dần vai trò của nó trong việc hạn chế sự gia tăng của tổng phương tiện thanh toán vì lạm phát có xu hướng giảm và thấp dần ; mặt khác nhu cầu vốn của nền kinh tế ngày càng tăng và cần phải mở rộng tín dụng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Công cụ này sẽ được xoá bỏ hoàn toàn khi thị trường tiền tệ ổn định , thị trường vốn phát triển và thị trường mở đi vào hoạt động có hiệu quả.

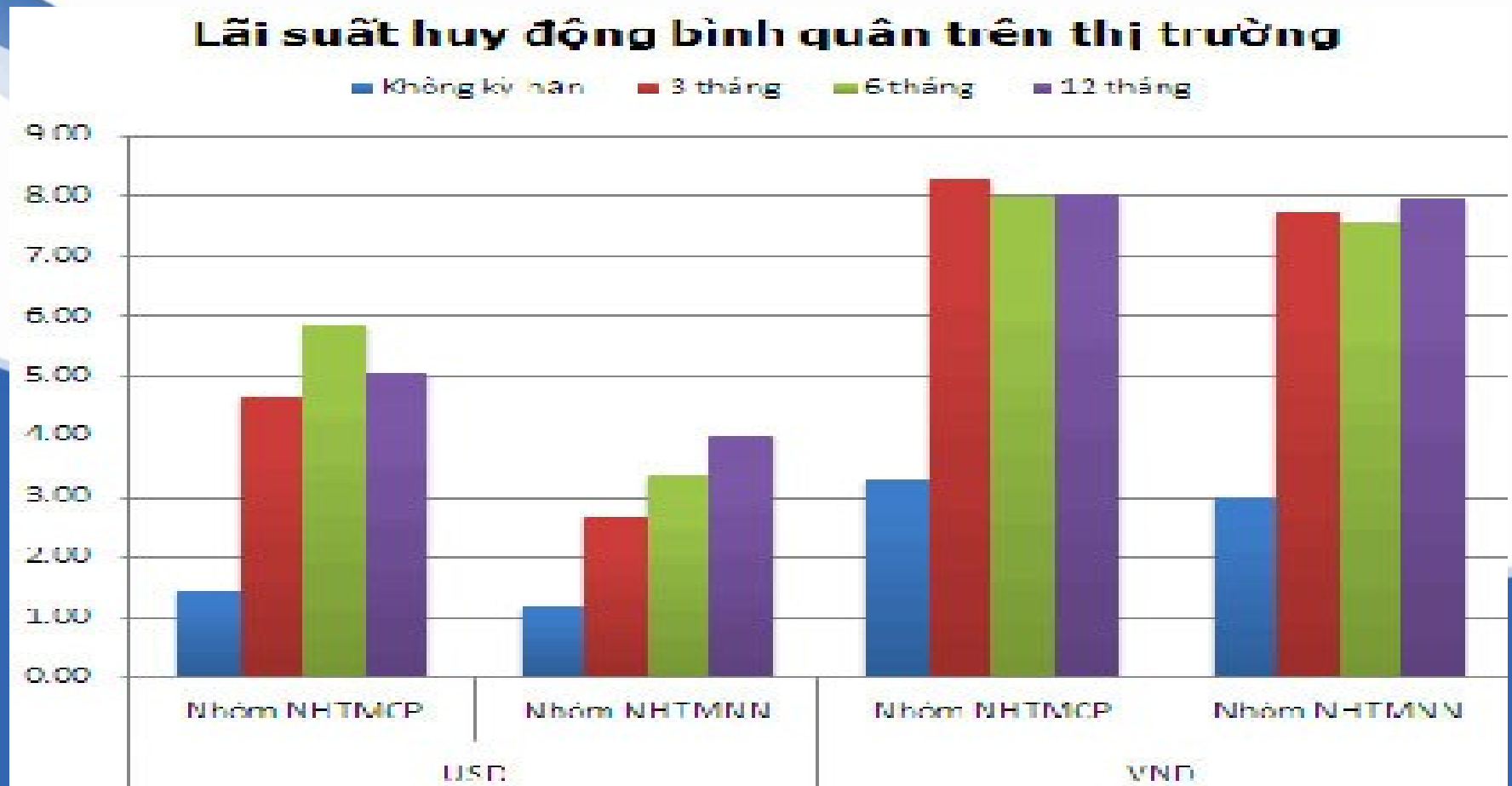
Hiện nay thì công cụ này không còn áp dụng vào việc bình ổn thị trường, công cụ của chính sách tiền tệ.

## 2.3 Công cụ dự trữ bắt buộc

Đây là công cụ gián tiếp điều chỉnh mức cung tiền được sử dụng sớm nhất ở Việt Nam (từ 1991), theo pháp lệnh Ngân hàng (1990), tỷ lệ DTBB có thể ở mức từ 10% đến 30% tổng nguồn vốn huy động của các NHTM.

Song trong điều kiện thực tế lúc bấy giờ khi tiềm lực của các NHTM Việt Nam còn nhỏ bé và lạm phát đã được kiểm chế ở mức đáng kể, nên NHNN đã quy định tỷ lệ DTBB là 10%; được áp dụng cho các NHTM QD, NHTM cổ phần, chi nhánh NH nước ngoài, NH

# Lãi suất huy động bình quân trên thị trường(2009)



Công cụ DTBB ngày càng được hoàn thiện và trở thành công cụ đặc lực của NHNN Việt Nam trong điều hành chính sách tiền tệ, tỉ lệ dự trữ bắt buộc được áp dụng tùy thuộc vào nền kinh tế vĩ mô và những chính sách của Chính phủ.



## 2.4 Công cụ cho vay tái chiết khấu

Ở Việt Nam, cho vay tái chiết khấu đã được sử dụng như là một công cụ của CSTT ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Tuy vậy, vì chưa hội đủ những điều kiện nên việc áp dụng nó còn giản đơn làm cho hiệu quả của nó còn nhiều hạn chế. Mặc dù vậy trong những năm gần đây nó đã trở thành công cụ đặc lực góp phần thực hiện tốt các mục tiêu của CSTT quốc gia.

Thời kỳ đầu, cho vay chiết khấu được thực hiện qua việc NHNN cho NHTM vay ngắn hạn căn cứ vào khế ước tín dụng ( có chất lượng ) do NHTM đem thế chấp tại NHNN, lãi suất tái cấp vốn được xác định dựa theo lãi suất cho vay (cao nhất ) của các NHTM và được điều chỉnh linh hoạt theo mục tiêu CSTT quốc gia ở mỗi thời kỳ.

Năm 1998, để thực hiện chính sách tiền tệ “thắt chặt” nhằm hạn chế sự gia tăng lạm phát do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực, NHNN đã tăng lãi suất tái chiết khấu từ 1% tháng 1,1% tháng (thấp hơn tiền lãi suất cho vay ngắn hạn là 0,1% tháng).

Từ đầu năm đến cuối tháng 7/2000, nhằm khuyến khích mở rộng tín dụng của các TCTD, NHNN đã 2 lần giảm lãi suất tái cấp vốn từ 0,5% tháng xuống 0,45% tháng (31/3/2000) và xuống 0,4% tháng (31/7/2000). Đồng thời NHNN cũng giảm lãi suất tái chiết khấu từ 0,45% tháng xuống còn 0,4% tháng (T3/2000) và xuống 0,35% tháng (T7/2000).

Trong năm 2009, áp dụng lãi suất tái chiết khấu từ 10/4/2009 là: 5,0%, nhưng đến đầu tháng 12, 1/12/2009 áp dụng là 6,0%.

**Như vậy**, công cụ cho vay chiết khấu đã dần được áp dụng theo đúng bản chất của nó là tín hiệu cho các NHTM điều chỉnh lãi suất cùng với sự phát triển của thị trường ở Việt Nam, trở thành một công cụ đặc lực của chính sách tiền tệ quốc gia...

## 2.5 Công cụ Nghiệp vụ thị trường mở

Luật NHNN Việt Nam quy định “NHNN thực hiện nghiệp vụ thị trường mở thông qua việc mua, bán tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu NHNN các loại giấy tờ có giá ngắn hạn khác trên thị trường tiền tệ để thực hiện CSTT quốc gia”

Trước khi thị trường mở chính thức được đưa vào vận hành ở Việt Nam, NHNN đã từng bước tạo lập cơ sở cho nó qua việc tổ chức đấu thầu và phát hành các loại tín phiếu (tín

Như vậy, ở Việt Nam thị trường mở đã tìm được con đường đi riêng cho mình và tính ưu việt của nó đã được phát huy tác dụng ở một mức độ nhất định (đã giúp cho các NHTM được chủ động hơn trong việc điều chỉnh lượng vốn khả dụng của mình, qua đó NHNN phần nào đã thực hiện được mục tiêu CSTT quốc gia). Tuy vậy, đây mới chỉ là giai đoạn khởi đầu và mang tính chất thử nghiệm nên đòi hỏi nó phải được tiếp tục đổi mới và hoàn thiện.



### 3.Đánh giá quá trình thực hiện các công cụ của chính sách tiền tệ những năm qua.

#### 3.1 Những thành tựu trong việc ổn định kinh tế vĩ mô:

- Góp phần ổn định giá trị đồng bản tệ.
- Góp phần tăng trưởng kinh tế.
- Ngoài ra, việc sử dụng các công cụ của CSTT cũng góp phần gián tiếp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các thành phần kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm.

## 3.2 Những vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện các công cụ của CSTT những năm qua.

Trong những năm qua, chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến việc kiểm soát và điều hành toàn bộ quá trình cung ứng tiền. Từ đó dẫn đến việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ nhằm điều tiết sự tăng, giảm khối lượng tiền trong nền kinh tế của NHNN thời gian qua cũng bị hạn chế ở nhiều mặt.

*Hiện nay, khi nền kinh tế Việt Nam đang trên con đường hội nhập với khu vực và thế giới cần có những định hướng cơ bản và các giải pháp cụ thể để có thể sử dụng các công cụ của CSTT một cách có hiệu quả ở Việt Nam, để nền kinh tế Việt Nam không bị bão hoà với thế giới đó là những khó khăn của các cơ quan điều hành chính sách tiền tệ.*

# I. Lịch sử ngân hàng trung ương

## GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

Thực hiện việc giao dịch.

- Các ngân hàng phát hành chủ yếu là tư nhân độc quyền chi phối nền kinh tế.

# GIẢI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

- Sau cuộc tổng khủng hoảng kinh tế 1929- 1933 và Thế chiến thứ II. Việc quốc hữu hóa các ngân hàng đã diễn ra. Nhà nước đã thực hiện quyền quản lý về các mặt tiền tệ, tín dụng và phát hành tiền



# 1. Chức năng, vai trò ngân hàng trung ương

## 1.1. Chức năng của ngân hàng trung ương

### a./ Phát hành tiền và điều tiết lưu thông tiền tệ:

Phát hành qua kênh NSNN, tín dụng , thị trường mở, thị trường vàng và ngoại tệ, tác động vào lượng tiền cần thiết trong lưu thông.

- b./ Ngân hàng của các ngân hàng thương mại
- Mơ tài khoản và nhận tiền gửi của NHTM
- Cấp tín dụng, làm trung gian thanh toán giữa các NHTM, qua các hoạt động tái chiết khấu, dự trữ bắt buộc.
- Quản lý đối với NHTM: quản lý về mặt hành chính và thủ tục



# Mô hình ngân hàng trung Ương

- NHTW độc lập chính phủ:  
Chính phủ không có quyền can thiệp hoạt động NHTW, đặc biệt là thực thi chính sách tiền tệ.
- NHTW trực thuộc chính phủ:  
Chính phủ ảnh hưởng lớn đến NHTW, bổ nhiệm thành viên ngân hàng và có thể can thiệp vào chính sách tiền tệ.

## c./ Ngân hàng của Nhà nước:

Thuộc sở hữu nhà nước, giao dịch với kho bạc nhà nước, trung gian thanh toán KBNN-NHTM, cấp tín dụng cho NSNN...



## 1.2. Vai trò



- Góp phần ổn định kinh tế qua chức năng điều tiết trong lưu thông
- Thiết lập và điều chỉnh cơ cấu kinh tế
- Ổn định sức mua đồng tiền quốc gia
- Chỉ huy toàn bộ hệ thống ngân hàng

## 2.2. Đặc trưng:

- Phản ánh quan điểm chủ trương của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế
- Xác định quyền hạn mục tiêu bộ máy điều hành
- CSTT tác động hoạt động tiền tệ, tín dụng ngân hàng, quản lý vĩ mô.
- Có quan hệ mật thiết với chính sách tài chính quốc gia, không thể đặt ngoài chính sách phát triển đất nước.

- Ngân hàng Việt Nam liên tục thay đổi tỉ lệ dự trữ bắt buộc do những chính sách liên quan đến nền kinh tế.





## Ví dụ:

- Ở Việt Nam : Trong điều 45- pháp lệnh NH đã quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc giới hạn 10-35% trên toàn bộ số tiền gửi của các tổ chức tín dụng.
- Trong giới hạn 10-35% NHNN được quyền quy định mức cụ thể cho từng thời kỳ, từng loại tiền gửi, từng loại hình ngân hàng
- Năm 2007 : NHTW đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng dự trữ bắt buộc từ 5% lên 10% đối với tiền gửi VND, 8% lên 10% đối với tiền gửi USD.

- Dự trữ tăng : Sẽ làm nguồn vốn vay giảm      làm khối lượng tiền giảm.      →
- Dự trữ giảm : Sẽ làm nguồn vốn vay tăng      làm khối lượng tiền tăng.      →



## b, LÃI SUẤT:

- NHTW sẽ ấn định lãi suất cho các NHTM ở mức tối thiểu tiền gửi, lãi suất tối đa cho tiền vay, quy định hệ số an toàn.

→ Nhằm điều chỉnh lưu thông tiền tệ.



## C. CÔNG CỤ CHIẾT KHẤU & TÁI CHIẾT KHẤU:

- NHTW giảm khả năng mở rộng tín dụng NHTM giảm lãi suất chiết khấu : Kích thích NHTM mở rộng tín dụng.
- Trong thực tế thì lãi suất tái chiết khấu thường nhỏ hơn lãi suất chiết khấu nên dễ có hiện tượng → NHTM sẽ ỷ lại, chỉ vay ở NHTW mà không huy động vốn tiền tệ nhân rồi từ trong nhân dân.

Vì vậy mà NHTW phải là người

## d. THỊ TRƯỜNG MỞ:

Đây là cửa ngõ để ngân hàng trung ương phát hành tiền hoặc thu hẹp khối tiền qua việc mua hoặc bán các trái phiếu ngắn hạn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 HA 8975556

BỘ TÀI CHÍNH

## TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI

# 100.000 VND

MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

KỶ HẠN: 5 NĂM      LÃI SUẤT: 8,6 %/NĂM

Ngày phát hành: 30 tháng 09 năm 2005

Ngày đến hạn thanh toán gốc: 30 tháng 09 năm 2010

KBNN phát hành: BÌNH THẠNH - TPHCM (03593)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Nguyễn Sinh Hùng*  
NGUYỄN SINH HÙNG

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI  
KỶ HẠN 5 NĂM

**HA 8975556**  
**100.000 VND**  
MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Ngày nhận lãi: / /

Tên: /

5

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI  
KỶ HẠN 5 NĂM

**HA 8975556**  
**100.000 VND**  
MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Ngày nhận lãi: / /

Tên: /

4

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI  
KỶ HẠN 5 NĂM

**HA 8975556**  
**100.000 VND**  
MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Ngày nhận lãi: / /

Tên: /

3

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI  
KỶ HẠN 5 NĂM

**HA 8975556**  
**100.000 VND**  
MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Ngày nhận lãi: / /

Tên: /

2

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI  
KỶ HẠN 5 NĂM

**HA 8975556**  
**100.000 VND**  
MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

Ngày nhận lãi: / /

Tên: /

1







**PHARMEDIC**  
 Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu PHARMEDIC  
 367 Nguyễn Trãi, Q.1, TP.Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: / 0 / 5 / 5 / 5 / 0C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC** chứng nhận:

Ông. **Bà** ( Cơ quan ) : **NGUYỄN THANH TRƯỚC**

Địa chỉ : **87 TRANG TỬ P1 Q5**

Là số hữu chủ / / / / / **3 / 9 / 0 /** cổ phần

Mỗi cổ phần có mệnh giá: **10.000 đồng VN** (mười ngàn đồng VN)

Thành tiền: / / / / / **3 / 9 / 0 / 0 / 0 / 0 /**

Các cổ phần chỉ được chuyển nhượng hợp lệ sau khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*U02*  
**CAO TẤN TƯỚC**

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **2** năm **2006**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



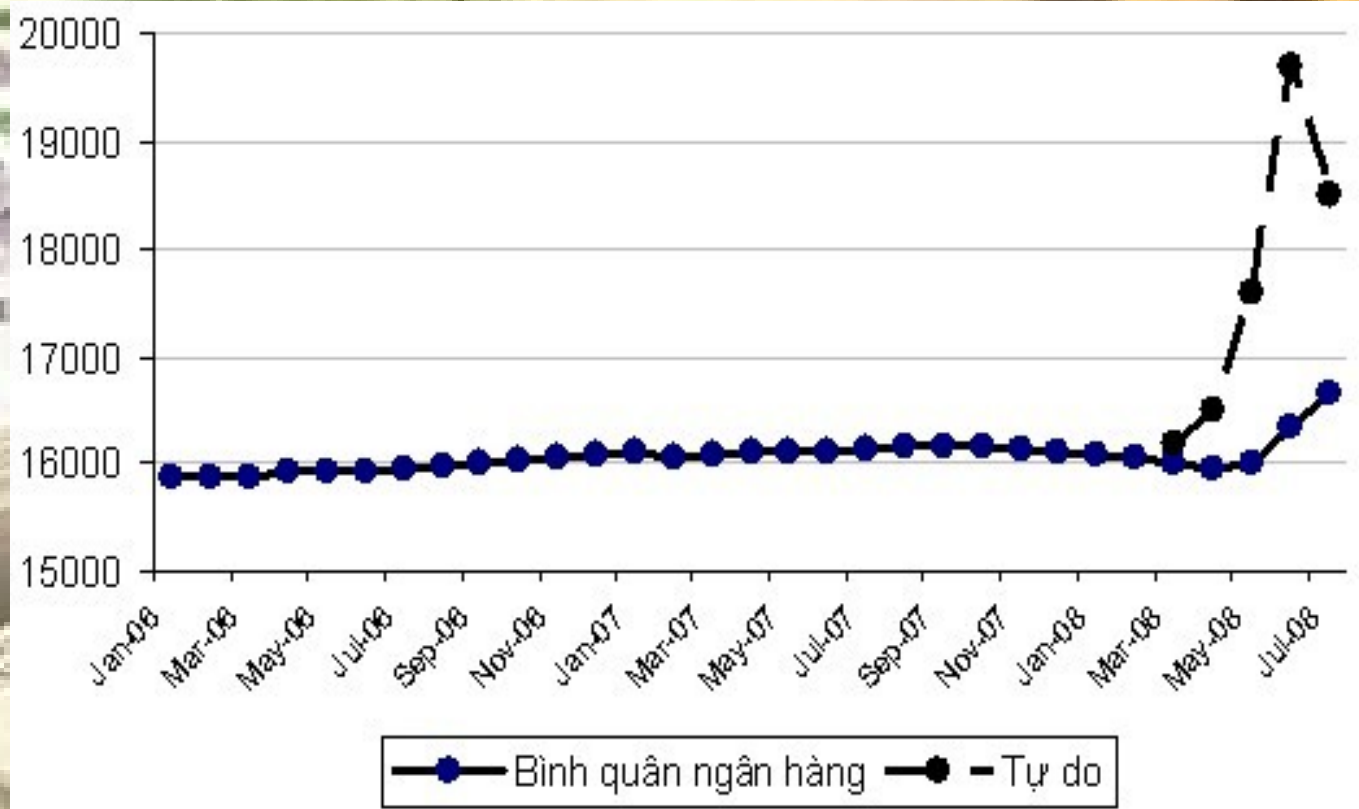
*M*  
**ĐS. TRẦN VĂN NHẬT**

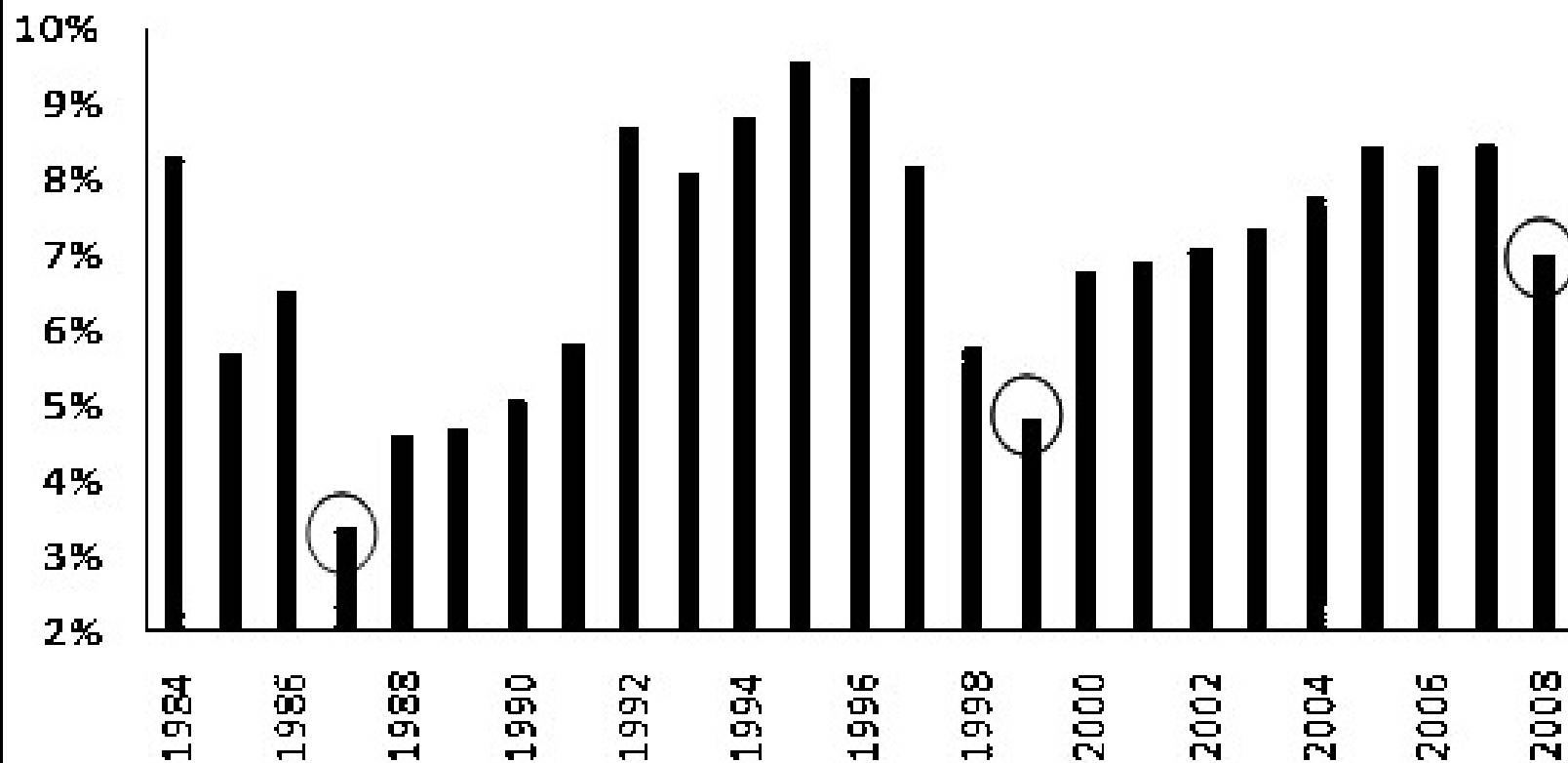
## THAY ĐỔI MỆNH GIÁ

NGÀY, THÁNG, NĂM	KÝ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM	MỆNH GIÁ	SỐ CỔ PHẦN	THÀNH TIỀN
2/5/2006	<i>[Signature]</i>	01/05/2006	11.400	390	4.446.000



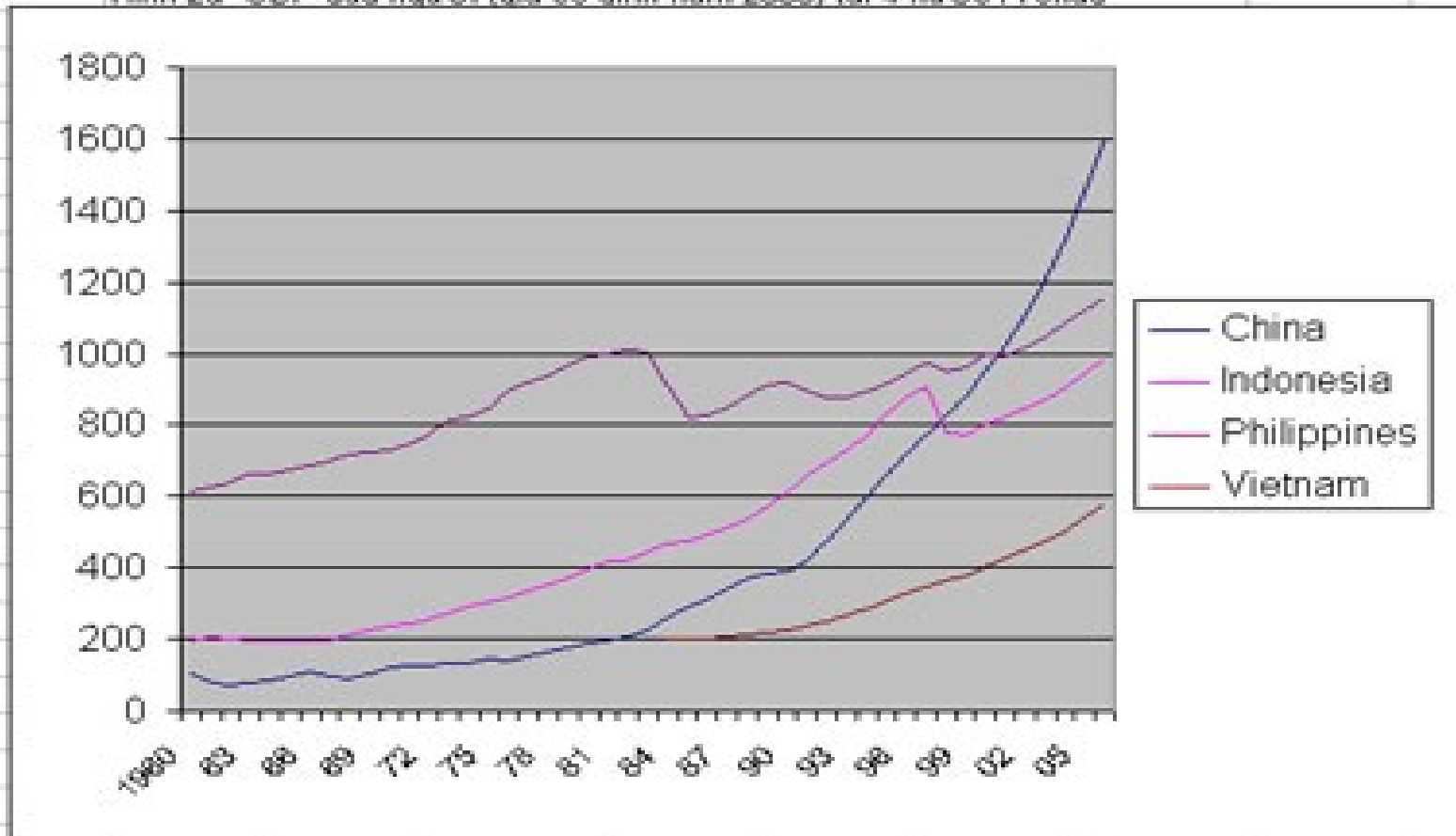
Một số thông tin  
về thị trường  
tiền tệ





# GDP đầu người (giá cố định năm 2000) tại 4 nước châu á

Hình 2a GDP đầu người (giá cố định năm 2000) tại 4 nước Á châu



Tư liệu: World Development Indicators (World Bank).

## Kết quả đấu thầu Thị trường mở

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu Thị trường mở phiên 301/2008 ngày 01/10/2008 như sau:**

Số thành viên dự thầu	17
Loại hình giao dịch	Mua GTCG kỳ hạn 14 ngày
Khối lượng trúng thầu	3000 tỷ đồng
Lãi suất trúng thầu	15%/năm

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu Thị trường mở phiên 297/2009 ngày 09/12/2009 như sau:**

Số thành viên dự thầu	27
Loại hình giao dịch	Mua GTCG kỳ hạn 7 ngày
Khối lượng trúng thầu	15.000 tỷ đồng
Lãi suất trúng thầu	8.00%/năm

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu Thị trường mở phiên 298/2009 ngày 09/12/2009 như sau:**

Số thành viên dự thầu	0
Loại hình giao dịch	Bán GTCG kỳ hạn 91; 182 tỷ đồng
Khối lượng trúng thầu	0
Lãi suất trúng thầu	0

## Kết quả đấu thầu Trái phiếu Chính phủ

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc phiên 16 ngày 05/05/2016 như sau:**

Số lượng thành viên tham gia dự thầu	1
Khối lượng dự kiến phát hành	500tỷ
Khối lượng trúng thầu	200 tỷ VND
Kỳ hạn phát hành	364 ngày y
Lãi suất trúng thầu	6.1%/năm
Lãi suất đăng ký	
- cao nhất	6.15%
- thấp nhất	6.1%

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc phiên 27 ngày 01/12/2008 như sau:**

Số lượng thành viên tham gia dự thầu	3
Khối lượng dự kiến phát hành	1000 tỷ đồng
Khối lượng trúng thầu	1000 tỷ đồng
Kỳ hạn phát hành	364 ngày y
Lãi suất trúng thầu	8.98%/năm
Lãi suất đăng ký	
- cao nhất	10.00
- thấp nhất	8.88

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc phiên 26 ngày 27/11/2008 như sau:**

Số lượng thành viên tham gia dự thầu	2
Khối lượng dự kiến phát hành	1000 tỷ đồng
Khối lượng trúng thầu	300 tỷ đồng
Kỳ hạn phát hành	364 ngày y
Lãi suất trúng thầu	9.00%/năm
Lãi suất đăng ký	





Ngân hàng trung Ương  
của một số quốc gia

The World Bank Group

# NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



# Ngân hàng trung ương Châu âu-ECB



# Cục dự trữ liên bang Mỹ-FED



# Ngân hàng trung ương Nhật Bản-BOJ



# Ngân hàng trung ương Trung Quốc-PBOC



© 2005 bartellonline.com



# Ngân hàng trung ương Hàn Quốc-BOK



- Nhóm thực hiện:



An hourglass with gold coins falling from the top into a pile at the bottom. The background is a warm, golden-brown color.

Thank for watching

Thank for watching  
Thank for watching